

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE

Bản án số: 91/2023/DS-ST.

Ngày: 21-7-2023.

“*V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Đỗ Thị Mộng Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Đức Tâm.

2. Ông Đỗ Thanh Tuyền.

- **Thư ký phiên tòa:** ông Phan Thành Trung – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** bà Ngô Thị Mỹ Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2023/TLST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng N.

Trụ sở: Số 2, đường H, phường C, Quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Toàn V, chức danh: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: ông Lê Minh K, chức danh: Phó Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Giồng Trôm Bến Tre. Đại diện theo ủy quyền của Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Giồng Trôm Bến Tre (văn bản ủy quyền số 97/GUQ-NHNo.GT-TH ngày 15/3/2023).

2. *Bị đơn:* bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1968;

Địa chỉ: ấp Bình Phú (Ấp 4), xã Bình Thành, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông Hồ Bình T, sinh năm 1971;

Địa chỉ: ấp Bình Phú (Ấp 4), xã Bình Thành, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, ông Khoa có mặt, bà C và ông T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản khai, nguyên đơn là Ngân hàng N và người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn là ông Lê Minh K trình bày:

Bà Nguyễn Thị C có vay vốn tại Ngân hàng N Chi nhánh huyện Giồng Trôm Bến Tre theo Hợp đồng tín dụng sau:

- Số Hợp đồng tín dụng số 7107LAV202107539 ngày 05/11/2021;
- Số tiền cấp hạn mức tín dụng là 180.000.000 đồng (bằng chữ: một trăm tám mươi triệu đồng).

* Giấy nhận nợ thứ nhất số 7107LDS202112156 ngày 09/11/2021:

- Số tiền vay: 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).
- Mục đích vay: chăm sóc vườn; chăn nuôi bò thịt, dê thịt.
- Giải ngân ngày: 09/11/2021, thời hạn vay: 12 tháng.
- Kỳ hạn trả nợ: 01 kỳ, ngày 05/11/2022: 100.000.000 đồng.
- Ngày trả nợ cuối cùng: 05/11/2022.
- Lãi suất: 6,5%/năm, lãi suất thả nổi.
- Lãi suất quá hạn: 150% với lãi suất vay đã thỏa thuận.

* Giấy nhận nợ thứ hai số 7107LDS202112157 ngày 09/11/2021:

- Số tiền vay: 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).
- Mục đích vay: mua sắm vật dụng gia đình.
- Giải ngân ngày: 09/11/2021, thời hạn vay: 12 tháng.
- Kỳ hạn trả nợ: 01 kỳ, ngày 05/11/2022: 50.000.000 đồng.
- Ngày trả nợ cuối cùng: 05/11/2022.
- Lãi suất: 6,5%/năm, lãi suất thả nổi.
- Lãi suất quá hạn: 150% với lãi suất vay đã thỏa thuận.

Sau khi ký hợp đồng tín dụng, Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Giồng Trôm Bến Tre đã giải ngân toàn bộ số tiền cho vay đúng theo Hợp đồng tín dụng số 7107LAV202107539 ngày 05/11/2021, Giấy nhận nợ thứ nhất số 7107LDS202112156 ngày 09/11/2021, Giấy nhận nợ thứ hai số 7107LDS202112157 ngày 09/11/2021 mà hai bên đã ký kết.

Việc cho vay không có bảo đảm bằng tài sản theo Điều 9, Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ và khoản 3 Điều 1, Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 của Chính phủ (sửa đổi, bổ sung Nghị định số 55/2015/NĐ-CP). Cam kết thực hiện biện pháp bảo đảm tài sản do Ủy ban nhân dân xã Bình Thành chứng ngày 05/11/2021.

Giấy tờ chứng minh quyền sở hữu tài sản: Giấy chứng nhận QSDĐ số CU 562275 thửa 180, tờ bản đồ số 42, diện tích 1.608m² do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 04/02/2020.

Sau khi nhận được số tiền vay, đến kỳ hạn ngày 05/11/2022, bà C phải thanh toán theo đúng thỏa thuận đã ký kết cho các giấy nhận nợ nêu trên với tổng số tiền là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) và lãi phát sinh. Ngân hàng có yêu cầu bà C trả tất nợ vay, bà C nhiều lần cam kết thanh toán nợ nhưng chỉ trả

được số tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) và lãi phát sinh. Số tiền gốc quá hạn còn lại 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng) và lãi phát sinh, bà C cố tình trì hoãn, không có nguồn thu nhập để trả nợ nhưng không tự bán đất, không có thiện chí hợp tác với Ngân hàng để trả nợ vay. Hiện tại bà C đã vi phạm hợp đồng tín dụng do vi phạm thỏa thuận trả nợ.

Tạm tính đến ngày 17/3/2023, bà C còn nợ tại Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Giồng Trôm Bến Tre số tiền cụ thể là: tiền gốc 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng), tiền lãi trong hạn 646.439 đồng (sáu trăm bốn mươi sáu nghìn bốn trăm ba mươi chín đồng), lãi quá hạn 1.108.288 đồng (một triệu một trăm lẻ tám nghìn hai trăm tám mươi tám đồng).

Tạm tính đến ngày 21/7/2023, bà C còn nợ tại Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Giồng Trôm Bến Tre số tiền cụ thể là: tiền gốc 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng), tiền lãi trong hạn 193.151 đồng (một trăm chín mươi ba nghìn một trăm năm mươi một đồng), lãi quá hạn 2.429.041 đồng (hai triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn không trăm bốn mươi một đồng).

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị C, ông Hồ Bình T có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng N (do Chi nhánh huyện Giồng Trôm đại diện nhận) tổng số tiền tạm tính đến ngày 21/7/2023 là 72.622.192 đồng (bảy mươi hai triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn một trăm chín mươi hai đồng). Trong đó tiền gốc 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng), tiền lãi trong hạn 193.151 đồng (một trăm chín mươi ba nghìn một trăm năm mươi một đồng), lãi quá hạn 2.429.041 đồng (hai triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn không trăm bốn mươi một đồng).

Tiền lãi vay phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng nêu trên từ ngày 22/7/2023 cho đến ngày thanh toán hết nợ.

Trường hợp bà C, ông T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên bán đấu giá các tài sản của bà C để thanh toán nợ.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự, bị đơn là bà Nguyễn Thị C trình bày:

Bà và ông Hồ Bình T là vợ chồng hợp pháp. Ông T có nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án số 81/TB-TLVA ngày 01/3/2023 và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 01/TB-TA ngày 01/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm nhưng do ông T bị bệnh nên không thể đến Tòa án tham gia phiên họp được.

Năm 2021, vợ chồng bà có vay Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Giồng Trôm số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng). Hiện vợ chồng bà đã trả cho Ngân hàng được số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) nợ gốc, còn nợ lại số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng).

Theo yêu cầu của Ngân hàng, đến ngày hôm nay vợ chồng bà còn nợ của Ngân hàng số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng), nợ lãi trong hạn 646.439 đồng, tiền lãi quá hạn 1.108.288 đồng. Vợ chồng bà đồng ý trả số tiền

này cho Ngân hàng. Tuy nhiên, bà xin thêm thời hạn 03 tuần để trả tiền theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Tại phiên tòa, ông Khoa trình bày nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà C và ông T trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng), nợ lãi tính đến ngày 21/7/2023 là 2.622.192 đồng (tiền lãi trong hạn 193.151 đồng, tiền lãi quá hạn 2.429.041 đồng) và tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 7107LAV202107539 ngày 05/11/2021 từ ngày 22/7/2023 cho đến ngày thanh toán hết nợ. Số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng), bà C và ông T trả cho khoản vay 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và nợ lại 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: nguyên đơn Ngân hàng N (ông Lê Minh Khoa – Đại diện theo ủy quyền của Giám đốc N – Chi nhánh huyện Giồng Trôm) đã tuân thủ và thực hiện đúng, đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Bị đơn bà Nguyễn Thị C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Bình T không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Như vậy, bà C, ông T thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Về việc giải quyết vụ án: căn cứ các điều 463, 466 Bộ luật Dân sự, các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Buộc bà Nguyễn Thị C và ông Hồ Bình T có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng N (Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Giồng Trôm nhận thay) số tiền tính đến ngày 21/7/2023 là 72.662.192 đồng (bảy mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi nghìn một trăm chín mươi hai đồng) (tiền gốc: 70.000.000 đồng, tiền lãi: 2.622.192 đồng), tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nêu trên từ ngày 22/7/2023 cho đến ngày thanh toán hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng với bà Nguyễn Thị C. Bà C là bị đơn trong vụ án cư trú tại xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn bà Nguyễn Thị C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Bình T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà C và ông T.

[2] Về nội dung:

Theo Hợp đồng ủy quyền số 2021.07.30.677, ngày 05/11/2021, ông Hồ Bình T ủy quyền cho bà Nguyễn Thị C, nội dung bà C toàn quyền thay mặt và nhân danh ông T xác lập, thực hiện các giao dịch liên quan đến việc vay vốn tại Ngân hàng N, bao gồm nhưng không giới hạn như: thương thảo và ký kết hợp đồng tín dụng, nhận tiền vay, thực hiện các công việc liên quan đến xử lý nợ. Thời hạn ủy quyền: 10 năm kể từ ngày 05/11/2021 hoặc khi hợp đồng ủy quyền này chấm dứt theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/11/2021, Ngân hàng N Chi nhánh huyện Giồng Trôm Bến Tre (Ngân hàng) ký Hợp đồng tín dụng số 7107-LVA-202107539 với bà Nguyễn Thị C. Bên cho vay là Ngân hàng, bên vay là bà Nguyễn Thị C và ông (bà) có tên trong Hợp đồng ủy quyền số 2021.07.30.677 là ông Hồ Bình T. Ngân hàng và bà C ký các Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ để vay số 01, 02 ngày 09/11/2021 để vay số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Thời hạn vay là 12 tháng, ngày trả nợ cuối cùng là 05/11/2022. Bên cạnh đó, bà C còn ký Cam kết thực hiện biện pháp bảo đảm bằng tài sản, nếu bên vay sử dụng vốn không đúng cam kết, vi phạm các điều khoản trong hợp đồng tín dụng thì dùng tài sản là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU562275 (diện tích đất 1.608m²) để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng nêu trên.

Tuy nhiên, khi nợ đến hạn, ngày 28/10/2022 Ngân hàng đã thông báo nợ đến hạn cho bà C, ngày 06/11/2022 Ngân hàng thông báo chuyển qua nợ quá hạn nhưng bà C, ông T vẫn không trả nợ cho Ngân hàng.

Theo các Biên bản xử lý nợ lần 01 vào ngày 07/11/2022, lần 02 vào ngày 23/11/2022, lần 03 ngày 30/11/2022, lần 04 vào ngày 14/12/2022, lần 05 vào ngày 23/12/2022, lần 06 vào ngày 14/01/2023, bà C đều cam kết sẽ trả nợ cho Ngân hàng nhưng chỉ trả được số tiền gốc là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) và lãi phát sinh, còn nợ lại số tiền gốc là 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng). Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bên vay là bà C và ông T trả cho Ngân hàng số tiền này và lãi phát sinh.

Theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, bà C thừa nhận bà và chồng là ông Hồ Bình T có vay của Ngân hàng số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng). Hiện vợ chồng bà đã trả cho Ngân hàng được 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) nợ gốc, còn nợ lại 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng). Bà C đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng trả tiền gốc là 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng) và lãi phát sinh. Riêng đối với ông T thì vắng mặt không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Từ những cơ sở trên, xét thấy bà C và ông T có vay Ngân hàng số tiền là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng). Theo Báo cáo đề xuất giải

ngân kiêm giấy nhận nợ số 01 ngày 09/11/2021, bà C và ông T vay số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), theo Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ số 02 ngày 09/11/2021, bà C và ông T vay số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Thời hạn vay là 12 tháng, ngày trả nợ cuối cùng là 05/11/2022. Khi nợ đến hạn bà C, ông T không trả nợ cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Sau khi nợ quá hạn, bà C và ông T đã trả cho Ngân hàng được số tiền gốc là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng), còn nợ lại 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng). Do bà C và ông T vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên vay nên việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà C, ông T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền gốc là 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng) và nợ lãi tính đến ngày 21/7/2023 là 2.622.192 đồng (hai triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn một trăm chín mươi hai đồng) là có căn cứ và phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, các Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng và Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên được chấp nhận.

Đồng thời, Ngân hàng yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng nêu trên từ ngày 22/7/2023 cho đến khi trả hết nợ gốc là phù hợp theo quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà C và ông T phải liên đới chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: 5% của số tiền 72.622.192 đồng (bảy mươi hai triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn một trăm chín mươi hai đồng) là 3.631.110 đồng (ba triệu sáu trăm ba mươi một nghìn một trăm mười đồng).

Ngân hàng N không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng N.

Buộc bà Nguyễn Thị C và ông Hồ Bình T có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng N (do Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Giồng Trôm Bến Tre nhận thay) số tiền 72.622.192 đồng (bảy mươi hai triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn một trăm chín mươi hai đồng). Trong đó, nợ gốc là 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng)

và nợ lãi tính đến ngày 21/7/2023 là 2.622.192 đồng (hai triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn một trăm chín mươi hai đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/7/2023) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 7107LAV202107539 ngày 05/11/2021.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị C và ông Hồ Bình T phải liên đới chịu án phí là 3.631.110 đồng (ba triệu sáu trăm ba mươi một nghìn một trăm mười đồng).

Ngân hàng N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 1.807.000 đồng (một triệu tám trăm lẻ bảy nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003109 ngày 28/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Đỗ Thị Mộng Tuyền